

Số: 48/2024/QĐST-LĐ

Tân Uyên, ngày 18 tháng 9 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

### TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

*Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Bà Phạm Thị Hương Diệp.

*Thư ký phiên họp:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp:* Ông Trương Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 17/2024/TLST-VLĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc: "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 17/2024/QĐST-LĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 17/2024/QĐST-LĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024, Thông báo mở lại phiên họp giải quyết việc lao động số: 17/2024/TB-TA Ngày 05 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 18/2024/QĐST-LĐ ngày 25 tháng 8 năm 2024 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Dương Văn N, sinh năm 1990; thường trú: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: nhà trọ số A khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty Cổ phần G; địa chỉ: khu phố H, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Huang Sheng C, Tổng Giám đốc công ty, vắng mặt.

2. Ông Phan Văn L, sinh năm 1995; thường trú: ấp S, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: nhà trọ S1, khu phố Ô, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: khu phố E, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trương Thanh N1 - Giám đốc, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

### **NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:**

*Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết ông Dương Văn N trình bày:*

Từ tháng 02/2009, ông N làm việc tại Công ty TNHH H (V), địa chỉ: khu phố G, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương, đến tháng 6/2009 ký hợp đồng lao động chính thức và tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), đến ngày 31/12/2015, ông N chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty TNHH H và chuyển qua làm việc cho Công ty TNHH G1 đến ngày 29/01/2022 nghỉ việc.

Ngày 14/02/2022, ông N vào làm việc tại Công ty cổ phần H1; địa chỉ: đường N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Sau đó, ngày 25/10/2022 ông N làm lại căn cước công dân và được nhân sự công ty làm thủ tục thay đổi thông tin cá nhân trên BHXH thành phố T, tỉnh Bình Dương, ông N được BHXH thành phố T, tỉnh Bình Dương thông báo ông có 02 sổ BHXH bị trùng thời gian đóng từ tháng 11/2009 đến tháng 4/2011, mã số bảo hiểm bị trùng là 7409300748, lý do bị trùng là do thời gian này ông N cho ông Phạm Văn L1 mượn hồ sơ để vào làm việc tại Công ty Cổ phần G. Do vậy, ông N yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động ký giữa ông Dương Văn N với Công ty Cổ phần G từ tháng 9/2009 đến tháng 4/2011 là vô hiệu.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn L1 trình bày:*

Thống nhất toàn bộ ý kiến và yêu cầu của ông Dương Văn N về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động ký giữa ông Dương Văn N với Công ty Cổ phần G từ tháng 9/2009 đến tháng 4/2011 là vô hiệu.

*Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương trình bày:*

Ông Dương Văn N được Công ty Cổ phần G tham gia BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp với mã số BHXH 7409300748 từ tháng 11/2009 đến tháng 04/2011. Ông Dương Văn N chưa hưởng BHXH 01 lần, chưa hưởng trợ cấp BHTN.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên họp:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ đã được làm rõ tại phiên họp đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông Dương Văn N về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông N và Công ty Cổ phần G (thời gian làm việc từ tháng 11/2009 đến tháng 4/2011) là vô hiệu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Ông Phạm Văn L1, người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần G được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên họp nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Các đương sự đều thống nhất thừa nhận từ tháng 11/2009, ông Dương Văn N, sinh năm 1990, số chứng minh nhân dân 371300933 (số căn cước công dân 091090010538) được Công ty Cổ phần G tham gia BHXH, BHYT, BHTN với mã số BHXH 7409300748. Quan hệ lao động giữa Công ty Cổ phần G và ông Nguyễn phát S từ hợp đồng lao động từ tháng 11/2009 đến tháng 4/2011. Tuy nhiên, ông N và ông L1 thống nhất thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần G và thực tế làm việc tại công ty T khoảng thời gian từ tháng 11/2009 cho đến tháng 4/2011 là ông Phạm Văn L1, không phải ông Dương Văn N. Do ông L1 không có đầy đủ các giấy tờ cá nhân để xin việc nên mượn giấy tờ cá nhân của ông N và ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần G. Trình bày của ông N và ông L1 phù hợp với hồ sơ BHXH, cụ thể trong thời gian từ tháng 11/2009 đến tháng 4/2011 ông L1 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty Cổ phần G.

[2.2] Xét thấy, việc ông Phạm Văn L1 sử dụng chứng minh nhân dân của ông Dương Văn N để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần G là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

[2.3] Quá trình làm việc, cơ quan bảo hiểm xã hội đã cung cấp thông tin về thời gian đóng BHXH của ông Dương Văn N bị trùng từ tháng 11/2009 đến tháng 4/2011. Do đó, ông N yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty Cổ phần G với ông Dương Văn N từ tháng 11/2009 đến tháng 4/2011 vô hiệu là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan BHXH để được giải quyết các chế độ BHXH theo quy định.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về lệ phí: Ông Dương Văn N phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 33, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;
- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc lao động của ông Dương Văn N.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Dương Văn N với Công ty Cổ phần G, thời gian làm việc từ tháng 11/2009 đến tháng 4/2011 bị vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Ông Dương Văn N phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0001334 ngày 24/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Tân Uyên (01);
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên (01);
- Các đương sự (04);
- Lưu: VT, HS (02).

#### **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Phạm Thị Hương Diệp**

